

Bản án số: 323/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 11 năm 2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo
2. Ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 23, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Chí H** - sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 23, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Đặng Thị Loan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/10/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà về chung sống tại khu tập thể D, tổ 23, phường T, thành phố T cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng luôn bất đồng và chửi nhau, đánh nhau. Nhưng vì con cái nên bà vẫn chấp nhận sống cùng ông H. Đến nay ông

bà sống cùng một nhà nhưng sinh hoạt trong gia đình riêng rẽ, không ăn chung, ngủ chung và không nói chuyện với nhau, thời gian này không ai còn quan tâm đến ai nữa, các con của ông bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà L xác định bà không còn tình cảm với ông H và không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa vì không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí H.

Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 06/7/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/4/1995. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà L và ông H không vay nợ của tổ chức, cá nhân nào và cũng không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/10/1992 ông và bà Đặng Thị L đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà về chung sống tại khu tập thể D, tổ 23, phường T, thành phố T. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những xô sát nhỏ do ông H là người nóng tính, còn bà L lại nói nhiều nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay bà L làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, ông không muốn ly hôn. Đã nhiều lần ông bảo bà L rút đơn xin ly hôn về nhưng bà L vẫn không rút đơn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo ý của bà L. Ông cũng đề nghị ông không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Chí H và bà Đặng Thị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 06/7/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/4/1995. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông và bà L không vay nợ của tổ chức, cá nhân nào và cũng không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Nguyễn Chí H đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Kết quả xác minh thể hiện: Ông Nguyễn Chí H và bà Đặng Thị L là vợ chồng, hiện ông bà đang sống tại khu tập thể D thuộc tổ 23, phường T, thành phố T. Trước đây, ông H và bà L đều là công nhân của Xí nghiệp D, nay đã nghỉ hưu. Trong thời gian sống tại địa phương, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, phát sinh từ cuộc sống hàng ngày mà hai bên không có cách giải quyết xung đột. Do mâu thuẫn với

vợ nên ông H có uống rượu về và dọa đánh bà L, có lần tổ dân phố cử người xuống khuyên bảo nhưng ông H không hợp tác. Vợ chồng ông H, bà L có 02 con chung, hiện các cháu đã trưởng thành. Về tài sản chung: Ông H bà L đang sống tại khu tập thể D và không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Đặng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà xác định vợ chồng đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn nhưng sau khi về chung sống với nhau vợ chồng luôn cãi chửi nhau và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, đến nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau và không còn tình cảm. Từ tháng 2 năm 2017 đến nay vợ chồng bà độc lập về kinh tế và không sinh hoạt gia đình chung cùng nhau. Do trước đây vợ chồng luôn có mâu thuẫn nhưng vì con cái còn đang trong độ tuổi đi học và ông bà đang còn công tác nên bà phải chịu đựng và giữ kín chuyện gia đình nên chính quyền địa phương và gia đình hai bên ít người biết đến. Nay các con bà đều đã trưởng thành và bà thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm gì với nhau nữa, bà và ông H không mang lại hạnh phúc cho nhau, bà thấy đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí H; bà xác nhận 02 con chung của bà và ông H đều đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà cũng không đề nghị Tòa án không giải quyết về tài sản chung (vì bà và ông H tự thỏa thuận); bà và ông H không có vay nợ chung.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với ông Nguyễn Văn H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc xin ly hôn ông Nguyễn Chí H.

Về con chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 06/7/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/4/1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà L và ông H không có vay nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đặng Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 18/6/2018, Toà án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Chí H. Ông H đã nhận được các văn bản của Toà án nhưng không đến Toà án tham gia tố tụng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông Nguyễn Chí H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện nay bà L và ông H vẫn sống cùng một nhà nhưng kinh tế độc lập và không sinh hoạt gia đình chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã nhiều lần Tòa án thông báo cho ông H đến tham gia phiên hoà giải nhằm giải quyết những xung đột, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông H để ông bà tiếp tục duy trì, củng cố mối quan hệ hôn nhân và gia đình ngày càng bền chặt và gắn bó hơn nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc xin ly hôn ông Nguyễn Chí H.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 06/7/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/4/1995. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành; ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H xác nhận vợ chồng không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đặng Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; 147; 227; 228; 266; 267; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc xin ly hôn.

1. Xử cho bà Đặng Thị L được ly hôn ông Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 06/7/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/4/1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Chí H không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị L phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0005249 ngày 18 tháng 6 năm 2018. Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Chí H không phải chịu án phí ly hôn.

Bà Đặng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ;
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

